

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2020
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn,
nuôi con chung và tài sản chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Đỗ Kim Phụng

2/. Bà Phạm Thị Nhâm

Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: **Ông
Nguyễn Trung Thai**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ
ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và tài
sản chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày
27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Quyền Ph**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **ấp LP, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu**

2/. Bị đơn: **Anh Trần Nguyễn Tuấn L**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **ấp KX, xã TA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu**

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kiều Ph, sinh năm 1969

Địa chỉ: **ấp KX, xã ĐTA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu**

(Chị Ph, anh L và bà Ph có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên
tòa hôm nay nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Quyền Ph** và bị đơn **anh Trần Nguyễn Tuấn L**
trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: **Chị Nguyễn Thị Quyền Ph** và **anh Trần Nguyễn Tuấn L**
thống nhất xác định **anh chị đi đến hôn nhân là do mai mối, hôn nhân hoàn toàn tự**

nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa Ph vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 06/10/2016 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Ph xác định: trong thời chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, anh L không quan tâm lo lắng cho chị, đi làm cũng không mang tiền về cho chị, gia đình chồng khó khăn với chị, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tháng 11 năm 2019 chị về nhà cha mẹ ruột chị đám giỗ, không biết lý do gì cha chồng chị qua nhà giành con chị với cha chị, sau đó hai bên xảy ra cự cãi, xô xát, anh L dùng dao định đâm cha chị, từ đó chị về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, trong khoảng thời gian vợ chồng sống xa nhau không ai quan tâm ai, nay chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Nguyễn Tuấn L.

Nguyên nhân ly hôn theo anh L xác định: trong thời chung sống vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng, tháng 11 năm 2019 vợ anh về nhà cha mẹ vợ anh đám giỗ, khi đám giỗ xong vợ anh không chịu về nhà anh, sau đó gia đình anh có xuống rước vợ anh về nhưng vợ anh không đồng ý về và sống bên gia đình vợ anh cho đến nay, trong khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng anh không có liên lạc qua lại với nhau, gia đình hai bên cũng không hòa giải hàn gắn cho vợ chồng anh được vì không có tiếng nói chung với nhau. Nay vợ anh kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì vợ anh không còn tình cảm với anh thì cố níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 01 người con chung tên Trần Nguyễn Linh L, sinh ngày 20/7/2017, chị Ph xác định từ khi vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, anh L và gia đình anh L cũng có qua thăm vài lần nhưng mỗi lần qua là hai bên lại xảy ra cự cãi nhau, cũng có mua bánh, mua sữa cho con, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con vì con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, từ khi sinh con ra cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi con nên tình cảm mẹ con gắn bó không thể tách rời được, hiện chị có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con, mẹ chị có cố cho chị được 10 công đất nuôi trồng thủy sản nên thu nhập mỗi tháng là khoảng 6.000.000 đồng, cha mẹ chị cũng hỗ trợ cho chị nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh L xác định hiện con đang sống chung với chị Ph, nhưng mỗi lần anh và gia đình anh đến thăm con rất khó khăn, gia đình vợ anh ngăn cản không cho thăm con, mỗi lần anh và gia đình anh đến thăm con phải báo với chính quyền địa Ph can thiệp, khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con vì anh có đủ điều kiện để nuôi con, hiện anh đang đi làm ở Công ty thủy sản Minh Phú ở Cà Mau thu nhập mỗi tháng tổng cộng là 8.000.000 đồng, cha mẹ anh có ruộng thu nhập mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng, có thể hỗ trợ thêm cho anh nuôi con, anh không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định trong ngày cưới gia đình anh L có cho 10 chỉ vàng 24k (01 lắc tay 04 chỉ, 01 dây chuyền và mặt là 05 chỉ và 01 nhẫn 01 chỉ). Chị Ph xác định số

vàng này hiện chị không có quản lý, do khi chị đi sinh con ở bệnh viện thì chị có đưa chìa khóa tủ cho anh L quản lý trong đó chị có cất 10 chỉ vàng 24k, từ khi sinh con cho đến nay chị không có đeo hay quản lý số vàng nào hết, nay chị cũng không biết số vàng trên còn hay không, ai đang trực tiếp quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Anh L xác định sau khi cưới về thì số vàng cưới do chị Ph trực tiếp quản lý (cất trong tủ), chìa khóa tủ thì vợ chồng người giữ 01 cái, khi chị Ph sinh con thì vợ chồng thống nhất gửi toàn bộ số vàng nêu trên cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Kiều Ph cất giữ dùm khi nào có đi đám tiệc thì đưa cho chị Ph đeo. Ngày 28/10/2019 (âm lịch) chị Ph về nhà cha mẹ ruột để dự đám giỗ nên mẹ anh có đưa cho anh 10 chỉ vàng 24k đã cất giữ dùm để anh đeo cho chị Ph đi về nhà đám, lúc mẹ anh đưa vàng có sự chứng kiến của bà Đỗ Thị S, bà Võ Thị B và chị Lê Thị Th (do nhà anh làm hụi nên bà S, bà B và chị Th lại đóng hụi nên nhìn thấy). Khi ly hôn anh L yêu cầu chia đôi số vàng cưới theo quy định pháp luật. Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Về nợ chung: chị Ph và anh L thống nhất xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Ph trình bày: vào năm 2016 khi bà đi hỏi vợ cho con trai bà là anh Tuấn L, ngày xuống mối bà có cho chị Quyền Ph 01 chỉ vàng 24k, đến ngày cưới bà có cho thêm 01 dây chuyền và mặt dây chuyền trọng lượng là 04 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay trọng lượng là 05 chỉ vàng 24k. Tổng cộng bà cho anh L và chị Ph là 10 chỉ vàng 24k. Sau khi cưới thì vợ chồng chị Ph và anh L tự quản lý số vàng này. Đến năm 2018 khi chị Ph đi sinh con thì có gửi lại cho bà giữ dùm toàn bộ số vàng này. Ngày 28/10/2019 (âm lịch) chị Ph về nhà cha mẹ ruột để dự đám giỗ thì bà đã đưa lại cho anh L số vàng này để đeo cho chị Ph về nhà đám, việc bà đưa vàng cho anh L không có làm giấy tờ gì nhưng có bà Đỗ Thị Sảnh, bà Võ Thị Ba và chị Lê Thị Thang chứng kiến, số vàng này bà đã trả lại cho anh L và chị Ph xong nên bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Ph xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh L, các đương sự xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Giữa chị Ph và anh L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữ chị Ph và anh L là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống chị Ph và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nay chị Ph và anh L thống nhất ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ph và anh L là có căn cứ.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao người con chung tên Trần Nguyễn Linh L, sinh ngày 20/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Quyền Ph nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Nguyễn Tuấn L được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chia cho chị Ph 05 chỉ vàng 24k, chia cho anh L 05 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí thì chị Ph và anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Quyền Ph có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Trần Nguyễn Tuấn L. Anh L có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Ph và anh L cưới nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa Ph, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 06/10/2016 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh L thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị Ph và anh L lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện anh chị cũng đã sống ly thân với nhau, tuy nhiên từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, chị Ph và anh L không có thiện chí hay tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn cho anh chị nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị Ph vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn với anh L và anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Ph và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ph và anh L để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn là phù hợp.

Về nuôi con chung: chị Ph và anh L thống nhất xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Linh L, sinh ngày 20/7/2017, hiện đang sống với chị Ph. Khi ly hôn chị Ph và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con. Chị Ph yêu cầu được nuôi con do con còn nhỏ, chị

cũng có điều kiện để nuôi con, anh L không đồng ý giao con cho chị Ph nuôi do anh có đủ điều kiện nuôi con, có nghề nghiệp thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, cha mẹ anh có ruộng nuôi tôm thu nhập ổn định nên có thể phụ giúp anh nuôi con, chị Ph và gia đình chị Ph gây khó khăn, cản trở anh trong việc thăm con. Tuy nhiên qua xác minh với chính quyền địa Ph thì không có việc chị Ph và gia đình chị Ph cản trở hay gây khó khăn cho anh L trong việc thăm con. Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định giao con cho người nào trực tiếp nuôi con khi ly hôn thì phải xem xét mọi mặt để đảm bảo sự phát triển về vật chất lẫn tinh thần của con, xét thấy từ khi chị Ph và anh L sống xa nhau thì chị Ph là người trực tiếp nuôi con và chị Ph cũng đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu L hiện còn nhỏ lại là con gái nên cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ nhiều hơn, nhất là lúc cháu đến tuổi phát triển tâm sinh lý, nên tạm giao con cho chị Ph nuôi là phù hợp với quy định pháp luật và thực tế

Anh Trần Nguyễn Tuấn L được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định trong ngày xuống mỗi gia đình anh L có cho 01 chỉ vàng 24k (nhẫn tròn), ngày đám hỏi có cho 01 dây chuyền và 01 mặt dây chuyền trọng lượng là 04 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24k. Tổng cộng là 10 chỉ vàng 24k. Chị Ph xác định khi chị đi sinh con ở bệnh viện thì chị có đưa chìa khóa tủ cho anh L quản lý trong đó chị có cất 10 chỉ vàng 24k, từ khi sinh con cho đến nay chị không có đeo hay quản lý số vàng nào hết, nay chị cũng không biết số vàng trên còn hay không, ai đang trực tiếp quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh L xác định số vàng này trước đây vợ chồng anh thống nhất gửi cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Kiều Ph cất giữ dùm. Tuy nhiên, vào ngày 28/10/2019 (âm lịch) thì bà Ph đã đưa lại cho anh để anh đeo cho chị Ph về nhà đám, hiện chị Ph đang quản lý toàn bộ số vàng này. Khi ly hôn anh yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Xét thấy, anh L và bà Kiều Ph thống nhất xác định chị Quyền Ph và anh L có nhờ bà Kiều Ph giữ dùm 10 chỉ vàng 24k, khi chị Quyền Ph về nhà cha mẹ ruột chị Quyền Ph đám giỗ thì bà Kiều Ph đã đưa lại toàn bộ số vàng cho anh L để đeo cho chị Quyền Ph, có sự chứng kiến của bà Đỗ Thị S, bà Võ Thị B và chị Lê Thị Th. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Qua xác minh làm việc bà Võ Thị B xác định: vào sáng ngày 28/10/2019 (âm lịch) bà có qua nhà bà Kiều Ph để đóng tiền hui thì bà thấy chị Quyền Ph đang soạn đồ, nên bà có hỏi chị Quyền Ph đi đâu, chị Quyền Ph nói về nhà cha mẹ đám giỗ, bà có thấy chị Quyền Ph có đeo trên người 01 nhẫn, 01 lắc tay và 01 dây chuyền có mặt đều là vàng 24k nhưng bà không biết trọng lượng là bao nhiêu; bà Đỗ Thị S xác định bà không nhớ chính xác ngày tháng năm nhưng bà nhớ khoảng 09 giờ sáng bà có qua nhà bà Kiều Ph để đóng tiền hui thì bà có thấy chị Quyền Ph soạn đồ, bà hỏi thăm thì biết là chị Quyền Ph về nhà cha mẹ ruột đám giỗ bà có thấy chị Quyền Ph có đeo trên

người 01 nhẫn, 01 lắc tay và 01 dây chuyền có mặt đều là vàng 24k nhưng bà không biết trọng lượng là bao nhiêu; chị Lê Thị Th xác định không nhớ ngày tháng chỉ nhớ là vào năm 2019, khoảng 13 giờ chị đi làm về có ghé nhà bà Kiều Ph để đóng hụi thì chị có nhìn thấy bà Kiều Ph có đưa cho anh L 01 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền có mặt hình trái tim và 01 lắc tay vàng 24k nhưng chị không biết trọng lượng là bao nhiêu.

Xét thấy, Lời trình bày của những người làm chứng không đảm bảo tính khách quan, không thống nhất về thời gian nhìn thấy bà Kiều Ph đưa vàng cho anh L để đeo cho chị Quyền Ph. Ngoài ra anh L không có đưa ra được các tài liệu hay chứng cứ nào khác để chứng minh anh L đã đeo số vàng nêu trên cho chị Quyền Ph. Anh L thừa nhận đã nhận của bà Kiều Ph 10 chỉ vàng 24k. Do đó, có đủ cơ sở xác định hiện anh L đang quản lý 10 chỉ vàng 24k. Đây là tài sản chung của chị Quyền Ph và anh L được gia đình anh L tặng cho trong ngày đám cưới, tuy nhiên xét thấy chị Quyền Ph hiện đang có nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử có xem xét chia cho chị Quyền Ph nhiều hơn của anh L để chị Quyền Ph có điều kiện nuôi con.

Tại thời điểm xét xử vụ án (ngày 05/11/2020) vàng 24k có giá là 5.400.000 đồng/01 chỉ.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L xác định anh chị chung sống nhưng không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Ph và anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Trần Nguyễn Linh L, sinh ngày 20/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Quyền Ph nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Nguyễn Tuấn L được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Quyền Ph và anh Trần Nguyễn Tuấn L thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3/. Về tài sản chung: chia cho chị Nguyễn Thị Quyền Ph 06 chỉ vàng 24k Buộc anh Trần Nguyễn Tuấn L có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị Quyền Ph 06 chỉ vàng 24k (loại vàng đang lưu hành trên thị trường).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chia cho anh Trần Nguyễn Tuấn L 04 chỉ vàng 24k (loại vàng đang lưu hành trên thị trường).

4/. Về nợ chung: không xem xét.

5/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quyền Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007532 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị Quyền Ph phải nộp số tiền 1.620.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải. Chị Ph đã tạm dự nộp số tiền 437.500 đồng theo biên lai thu số 0007533 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được khấu trừ, buộc chị Ph nộp tiếp số tiền 1.182.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc anh Trần Nguyễn Tuấn L phải nộp số tiền 1.080.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải. Anh L đã tạm dự nộp số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0007729 ngày 26/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được khấu trừ, buộc anh L nộp tiếp số tiền 480.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị Quyền Ph, anh Trần Nguyễn Tuấn L và bà Nguyễn Thị Kiều Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- THA huyện DH;
- UBND xã AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

